Chi tiết mã HS 2833.40.00

Mã HS	2833.40.00
Mô tả hàng hóa	Sulphat; phèn (alums); peroxosulphat (persulphat) / - Peroxosulphat (persulphat)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 13:25:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28334000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3632
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3632
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3632
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3604
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3565
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3565
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3565
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3565
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3565
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3565
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3603
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3603

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3603
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3603
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3603
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3603
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3607
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3607
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3607
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3607
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3607
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3607
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3607
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3571
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3567
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3567
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3567
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3567
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3567
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3567
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3567
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3567
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3567
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3567
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3567
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3567
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3614
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3614

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3614
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3614
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3614
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3614
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3611
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3611
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3611
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3611
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3611
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3611
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D3619
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E3619
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F3619
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G3619
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H3619
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3619
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D3590
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3590
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3590
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3590
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3590
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3590
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D3592
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3592
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3592
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3592

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3592
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3592
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3590
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3590
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3590
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3590
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3590
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3590
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3590
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3611
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3611
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3611
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3611
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3611
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3611
RCEP B	2022	2022	0	B!D3611
RCEP B	2023	2023	0	B!E3611
RCEP B	2024	2024	0	B!F3611
RCEP B	2025	2025	0	B!G3611
RCEP B	2026	2026	0	B!H3611
RCEP B	2027	2027	0	B!I3611
RCEP C	2022	2022	0	C!D3611
RCEP C	2023	2023	0	C!E3611
RCEP C	2024	2024	0	C!F3611
RCEP C	2025	2025	0	C!G3611
RCEP C	2026	2026	0	C!H3611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3611
RCEP D	2022	2022	0	D!D3611
RCEP D	2023	2023	0	D!E3611
RCEP D	2024	2024	0	D!F3611
RCEP D	2025	2025	0	D!G3611
RCEP D	2026	2026	0	D!H3611
RCEP D	2027	2027	0	D!I3611
RCEP E	2022	2022	0	E!D3614
RCEP E	2023	2023	0	E!E3614
RCEP E	2024	2024	0	E!F3614
RCEP E	2025	2025	0	E!G3614
RCEP E	2026	2026	0	E!H3614
RCEP E	2027	2027	0	E!I3614
RCEP F	2022	2022	0	F!D3611
RCEP F	2023	2023	0	F!E3611
RCEP F	2024	2024	0	F!F3611
RCEP F	2025	2025	0	F!G3611
RCEP F	2026	2026	0	F!H3611
RCEP F	2027	2027	0	F!I3611
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F3314
VIFTA	2025	2025	4	VI!G3314
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H3314
VIFTA	2027	2027	3	VI!I3314

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2833.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2833.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3632), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.